
CÔNG BỐ THÔNG TIN NGÂN HÀNG XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Trần Nguyễn Sa

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Email: satn@hub.edu.vn

Hạ Thị Thiều Dao

Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Email: daohtt@hub.edu.vn

Mã bài báo: JED-1378

Ngày nhận: 02/09/2023

Ngày nhận bản sửa: 13/10/2023

Ngày duyệt đăng: 10/11/2023

Mã DOI: 10.33301/JED.VI.1378

Tóm tắt:

Bài viết này nghiên cứu thực trạng công bố thông tin về hoạt động ngân hàng xanh của các ngân hàng thương mại niêm yết ở Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích chỉ số công bố thông tin đối với Báo cáo thường niên của các ngân hàng để tiến hành đánh giá thực trạng công bố hoạt động ngân hàng xanh của 20 ngân hàng thương mại niêm yết ở Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC và 96/2020/TT-BTC trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2022. Kết quả nghiên cứu nhận thấy, chỉ có 17/20 ngân hàng thương mại công bố thông tin ngân hàng xanh vào năm 2022, các tiêu chí công bố thông tin vẫn chưa được báo cáo đầy đủ, từ đó, nghiên cứu đưa ra những khuyến nghị khả thi cho sự phát triển việc công bố thông tin ngân hàng xanh tại Việt Nam.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, phân tích chỉ số công bố thông tin, công bố thông tin ngân hàng xanh, phát triển bền vững.

Mã JEL: G19, G21, Q38.

Green banking disclosure of commercial banks in Vietnam

Abstract:

This study evaluates the green banking disclosure of listed commercial banks in Vietnam. The study uses the disclosure index analysis method for banks' annual reports to assess the status of green banking disclosure of 20 listed commercial banks in Vietnam under the guidance of the Ministry of Finance in Circulars No. 155/2015/TT-BTC and 96/2020/TT-BTC in the period from 2016 to 2022. The study results show that only 17 out of 20 commercial banks disclose green banking information in 2022, and the disclosure criteria have not been fully reported. Finally, the study makes feasible recommendations for developing green banking disclosure in Vietnam.

Keywords: Climate change, disclosure index analysis, green banking disclosure, sustainable development goals.

JEL codes: G19, G21, Q38.

1. Giới thiệu

Một thỏa thuận lịch sử (đã không thể đạt được trong hai thập kỷ) nhằm ngăn chặn tình trạng nóng lên toàn cầu đã được các quốc gia đi đến thống nhất tại Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Biến đổi Khí hậu (COP - Conference of the Parties) lần thứ 21, hội nghị diễn ra vào ngày 12 tháng 12 năm 2015, tại Paris, với đại diện của 195 quốc gia (trong đó có Việt Nam). Tính đến tháng 8 năm 2023, đã có 26 lần COP được tổ chức, trong khuôn khổ của các cuộc hội nghị COP, các quốc gia tham dự đàm phán về các biện pháp nhằm giảm

thiểu tác động của biến đổi khí hậu và chia sẻ trách nhiệm trong việc thực hiện các hoạt động này. Trước đây, các giải pháp này chủ yếu áp dụng cho các lĩnh vực phi tài chính. Tuy nhiên, trong vài thập kỷ gần đây, quan điểm này đã thay đổi và các nhà hoạch định đã nhận ra rằng: (1) Lĩnh vực tài chính – ngân hàng đang ngày càng ảnh hưởng mạnh và bị ảnh hưởng bởi các vấn đề môi trường (McKenzie & Wolfe, 2004); (2) Khu vực ngân hàng là một trong những nguồn cung cấp tài chính chủ yếu cho nhiều ngành nghề và nhiều doanh nghiệp nên đặc điểm này đã tạo ra trách nhiệm về môi trường một cách gián tiếp đối với các ngân hàng, thông qua việc các ngân hàng đưa ra các tiêu chí xét duyệt liên quan đến môi trường của các ngành nghề và các doanh nghiệp trước khi cấp vốn.

Thực hiện cam kết, Việt Nam đã và đang triển khai các giải pháp nhằm giảm tác động của biến đổi khí hậu đối với cả khu vực phi tài chính và khu vực tài chính. Trước những áp lực về trách nhiệm với môi trường và phát triển bền vững của khu vực tài chính nói chung và ngành ngân hàng nói riêng, các cơ quan quản lý ngành ngân hàng Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước, đã ban hành khá nhiều Thông tư, quyết định, chỉ thị liên quan đến các hoạt động xanh và công bố thông tin về hoạt động xanh (hoạt động hướng tới môi trường) của các tổ chức tín dụng nói chung và các ngân hàng thương mại nói riêng, nổi bật nhất có thể kể đến: Chỉ thị số 03/CT-NHNC ngày 24 tháng 03 tháng 2015 về tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; quyết định số 1604/QĐ- NHNC ngày 7 tháng 8 năm 2018 về việc phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam; Thông tư số 155/2015/TT-BTC và Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin (CBTT) trên thị trường chứng khoán, trong đó yêu cầu các công ty niêm yết phải báo cáo các nội dung liên quan đến môi trường và xã hội của công ty; Thông tư số 17/2022/TT- NHNC ngày 23 tháng 12 năm 2022 hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; quyết định số 1408/QĐ- NHNC ngày 26 tháng 7 năm 2023 ban hành kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030. Triển khai tập huấn nhằm hướng đến ưu tiên thực hiện các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm về Công khai tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD - Task Force on Climate-Related Financial Disclosures).

Với mong muốn mang lại bức tranh tổng quan về tình hình CBTT liên quan đến hoạt động ngân hàng xanh của ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm góp phần phát triển hoạt động ngân hàng xanh, đồng thời, đạt được sự hỗ trợ của các bên liên quan và thực hiện cam kết của Việt Nam với quốc tế, nghiên cứu tiến hành đánh giá việc CBTT về ngân hàng xanh tại Báo cáo thường niên (BCTN) của các ngân hàng thương mại bằng phương pháp phân tích chỉ số CBTT theo các tiêu chí về môi trường được Bộ Tài chính hướng dẫn công bố tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Từ đó, nghiên cứu có thể cung cấp thêm cơ sở khoa học trong việc hoạch định, đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần giúp hệ thống ngân hàng đưa ra thêm chính sách và giải pháp khả thi trong việc phát triển hoạt động ngân hàng xanh tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết về công bố thông tin

2.1. Lý thuyết các bên liên quan và lý thuyết về tính hợp pháp

Trong những năm qua, lý thuyết về các bên liên quan và lý thuyết về tính hợp pháp vẫn là những lý thuyết phổ biến nhất đối với các nhà nghiên cứu trong việc giải thích về các hoạt động báo cáo xã hội và môi trường của doanh nghiệp (Hossain & cộng sự, 2016).

Lý thuyết các bên liên quan cho rằng các công ty phải làm việc với nhiều bên liên quan khác nhau như: cổ đông, nhân viên, cơ quan trong ngành, người tiêu dùng, phương tiện truyền thông, chính phủ, nhà cung cấp, nhóm lợi ích và công chúng (Deegan & Unerman, 2006). Với tư cách là một phần của xã hội, các tổ chức kinh doanh có thể ảnh hưởng đến đến xã hội một cách trực tiếp và gián tiếp, do đó, nhằm củng cố mối quan hệ với xã hội, các doanh nghiệp không nên thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể gây hại cho nhiều bên liên quan khác nhau, đồng thời, doanh nghiệp cần có trách nhiệm báo cáo về hoạt động của mình cho các bên liên quan này (bao gồm cả bên liên quan là cơ quan quản lý) (Hossain & cộng sự, 2016).

Một lý thuyết quan trọng khác trong nghiên cứu về CBTT môi trường và xã hội của doanh nghiệp là lý thuyết về tính hợp pháp. Theo đó, một doanh nghiệp không thể tồn tại trong xã hội nếu không có sự chấp thuận của những người trong xã hội hoặc cộng đồng; hoặc nếu hoạt động của doanh nghiệp đi ngược lại lợi ích và giá trị của xã hội thì sự tồn tại của doanh nghiệp đó sẽ bị đe dọa, đó chính là tính hợp pháp (Deegan & Unerman, 2006). Bất kỳ hành vi sai trái nào từ phía doanh nghiệp hoặc bất kỳ tin tức xấu nào về doanh

ng nghiệp đều có thể tạo ra “khoảng cách về tính hợp pháp”, điều này có thể gây hại cho doanh nghiệp, thậm chí có thể dẫn đến việc giải thể doanh nghiệp, đó là lý do tại sao các doanh nghiệp cố gắng quản lý ấn tượng hoạt động kinh doanh của mình trong mắt xã hội. Một trong những công cụ để quản lý ấn tượng và duy trì tính hợp pháp là báo cáo của doanh nghiệp. Bằng cách CBTT tích cực thông qua các báo cáo, các doanh nghiệp có thể đạt được tính hợp pháp cho hoạt động của mình (Hossain & cộng sự, 2016).

Lý thuyết các bên liên quan và lý thuyết tính hợp pháp có mối liên hệ với nhau theo cách mà cuối cùng các hoạt động của doanh nghiệp phải hợp pháp trong mắt các bên liên quan, những người bị ảnh hưởng bởi công việc của doanh nghiệp (Hossain & cộng sự, 2016). Ngày nay, vấn đề môi trường đã trở thành mối quan tâm của nhiều bên liên quan trên toàn cầu nói chung và của cơ quan quản lý ngành ngân hàng nói riêng, khi đó, nếu các hoạt động của một ngân hàng gây tổn hại đến môi trường theo bất kỳ cách nào thì tính hợp pháp của ngân hàng có thể bị đe dọa và khoảng cách về tính hợp pháp có thể xuất hiện. Cách để giảm thiểu khoảng cách về tính hợp pháp là CBTT về môi trường thông qua các báo cáo, với hành động này, các ngân hàng có thể tạo ra hình ảnh thân thiện với môi trường, khi đó, không chỉ tính hợp pháp của ngân hàng sẽ đạt được, mà còn đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

2.2. Hoạt động ngân hàng xanh, công bố thông tin ngân hàng xanh và chỉ số đo lường

Ngân hàng xanh được phần lớn học giả định nghĩa là hoạt động ngân hàng hướng đến môi trường, được tiến hành theo cách giúp giảm tổng thể lượng khí thải carbon bên trong và bên ngoài ngân hàng (Suborna, 2020). Theo Bahl (2012), Islam & Das (2013), Agrawal (2014), Chaurasia (2014), Ahuja (2015), Lalon (2015), Ragupathi & Sujatha (2016), Mehedi & cộng sự (2017), Naji & Dnya (2022), hoạt động bên ngoài của ngân hàng bao gồm các hoạt động được thực hiện chủ yếu vì khách hàng hoặc nhằm vào khách hàng của ngân hàng như: áp dụng hình thức cho vay xanh, cung cấp lãi suất thấp cho người tiêu dùng và doanh nghiệp đối với các dự án hướng tới môi trường. Hoạt động bên trong ngân hàng được hiểu là những hoạt động làm giảm lượng khí thải carbon trong nội bộ hệ thống ngân hàng thông qua quá trình vận hành như: sử dụng ngân hàng không giấy tờ (paper-less), đào tạo về môi trường, sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng, xây dựng các công trình xanh (Ginovsky, 2009; Ragupathi & Sujatha, 2016).

Công bố thông tin ra công chúng được phần lớn các học giả tập trung vào định nghĩa một bộ phận thông tin là: thông tin công bố bởi doanh nghiệp, loại thông tin bắt buộc và thông tin tài chính. Do đó, theo một khái niệm chung và rộng nhất, khái niệm CBTT đưa ra bởi IMF được xem là phù hợp để áp dụng với nhiều loại tổ chức kinh tế chính trị khác nhau và phù hợp với nhiều loại thông tin khác nhau, cụ thể: Công bố công khai (public disclosure) đề cập đến hành động làm cho thông tin hoặc dữ liệu được sẵn sàng truy cập và sẵn có đối với tất cả các cá nhân và tổ chức quan tâm. Một số ví dụ về các hình thức khác nhau của công bố công khai là: tuyên bố bằng lời nói hoặc văn bản được công bố trên một diễn đàn công khai, trên phương tiện truyền thông hoặc công bố cho công chúng; xuất bản trong một bản tin chính thức, công báo, báo cáo, hoặc tài liệu độc lập; và thông tin được đăng trên một trang web (IMF, 2000). Như vậy, có thể hiểu khái niệm CBTT ra công chúng một cách đầy đủ như sau: (1) doanh nghiệp công bố rộng rãi các thông tin liên quan (thông tin tài chính và thông tin phi tài chính) đến hoạt động của doanh nghiệp; (2) việc công bố cần được thực hiện công khai, sao cho tất cả các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của doanh nghiệp đều có thể tiếp cận được một cách dễ dàng. Quan điểm này cũng phù hợp với quy định của Bộ Tài chính Việt Nam về nguyên tắc CBTT và phương tiện CBTT tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Kết hợp quan điểm về CBTT và ngân hàng xanh, trong nghiên cứu này, *công bố thông tin ngân hàng xanh* được hiểu là việc CBTT ra công chúng về hoạt động bên trong và bên ngoài ngân hàng hướng tới môi trường, nhằm bảo vệ môi trường khỏi tác động tiêu cực. Thông tin về hoạt động hướng tới môi trường sẽ được nghiên cứu tiếp cận ở nguồn thông tin đáng tin cậy là BCTN của ngân hàng thương mại nhằm thỏa mãn điều kiện thứ hai của khái niệm về CBTT.

Chỉ số đo lường công bố thông tin ngân hàng xanh

Với mục đích của nghiên cứu là đánh giá việc CBTT ngân hàng xanh hiện có của các ngân hàng thương mại, nghiên cứu sẽ lựa chọn bộ chỉ số do Bộ Tài chính hướng dẫn tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC về các nội dung cần báo cáo liên quan đến hoạt động môi trường và xã hội, sau đó, nghiên cứu chọn lọc các tiêu chí liên quan đến môi trường (đối tượng mà hoạt động ngân hàng xanh hướng đến) để đánh giá, kết quả có 12 tiêu chí được lựa chọn (Bảng 1). Cách tiếp cận này cũng nhận được sự đồng tình của nhiều nhà khoa học

trong các nghiên cứu của họ về CBTT như Botosan (1997), Ferguson & cộng sự (2002), Bose & cộng sự (2018), Khan & cộng sự (2021).

3. Dữ liệu và Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu, phương pháp thu thập, phương pháp xử lý dữ liệu

Dựa trên đối tượng mà nghiên cứu muốn hướng tới là hoạt động ngân hàng xanh của các ngân hàng thương mại, nghiên cứu lựa chọn BCTN để khai thác vì ba lý do sau: (1) BCTN là hình thức CBTT quan trọng nhất của công ty (Guthrie & cộng sự, 2004); (2) tính sẵn có của dữ liệu; (3) việc CBTT các hoạt động liên quan đến môi trường và xã hội được Bộ Tài chính Việt Nam yêu cầu các ngân hàng thương mại công bố định kỳ hằng năm ở mục Báo cáo phát triển bền vững hoặc Báo cáo liên quan đến môi trường, xã hội trong BCTN.

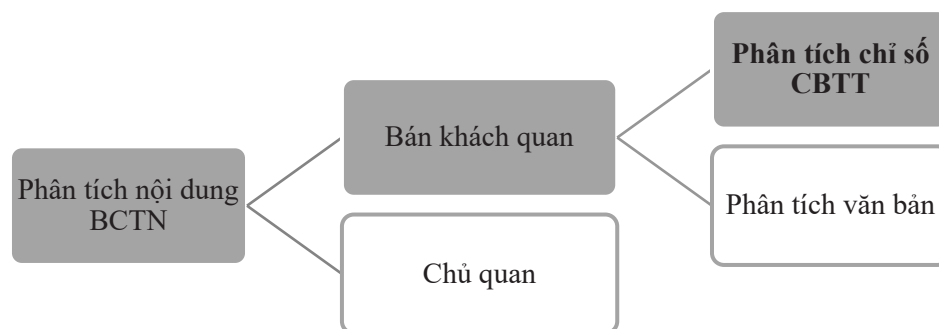
Nghiên cứu thu thập dữ liệu từ các BCTN đã kiểm toán của các ngân hàng thương mại niêm yết trên HNX, HOSE và UPCOM trong 7 năm (2016-2022). Giai đoạn này được chọn vì Thông tư số 155/2015/TT-BTC về việc yêu cầu các công ty niêm yết phải báo cáo các nội dung liên quan đến môi trường và xã hội có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016. Kết quả có của 20 ngân hàng thương mại Việt Nam niêm yết trên sàn chứng khoán thoả mãn điều kiện về thông tin liên tục (Phụ lục), tổng số BCTN được lựa chọn là 140 báo cáo.

Sau khi thu thập BCTN bằng cách truy cập vào website chính thức của các ngân hàng thương mại Việt Nam, nghiên cứu tiến hành xem xét mục Báo cáo phát triển bền vững hoặc Báo cáo liên quan đến môi trường, xã hội và sử dụng phương pháp phân tích chỉ số CBTT (được trình bày ở phần tiếp theo) để xem xét thực trạng CBTT ngân hàng xanh của các báo cáo này.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích chỉ số CBTT (Disclosure Index Analysis) để lượng hoá thông tin về hoạt động ngân hàng xanh được công bố trong BCTN của các ngân hàng thương mại niêm yết ở Việt Nam. Phương pháp phân tích chỉ số CBTT là một trong hai nhánh của phương pháp bán khách quan thường được sử dụng trong phân tích nội dung BCTN (Hình 1), trong đó, phương pháp phân tích chỉ số CBTT thường được sử dụng cho các nghiên cứu đánh giá về tính đầy đủ của thông tin công bố (Beattie & cộng sự, 2004). Hiện nay, có rất nhiều nghiên cứu về CBTT sử dụng phương pháp này như: Ferguson & cộng sự (2002), Clarkson & cộng sự (2010), Bose & cộng sự (2018), Khan & cộng sự (2021).

Hình 1: Phương pháp phân tích nội dung trên BCTN



* Chú thích: Ô được tô đậm thể hiện phép đo chỉ số CBTT được sử dụng trong nghiên cứu này.

Nguồn: Beattie & cộng sự (2004).

Một quy trình theo phương pháp phân tích chỉ số CBTT để đo lường số lượng thông tin xanh được công bố trong BCTN của các ngân hàng thương mại gồm các bước như sau:

Bước 1: Nghiên cứu sử dụng bộ tiêu chí do Bộ Tài chính Việt Nam khuyến nghị đối với các doanh nghiệp niêm yết tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, trong đó, lọc lấy 12 tiêu chí liên quan đến môi trường để tạo thành danh sách kiểm tra (Bảng 1).

Bảng 1: Danh sách kiểm tra tiêu chí CBTT ngân hàng xanh theo khuyến nghị của Bộ Tài chính

Tiêu chí	Nội dung
TC1	Tổng phát thải nhà kính trực tiếp và gián tiếp.
TC2	Các sáng kiến và biện pháp giảm phát thải nhà kính.
TC3	Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
TC4	Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.
TC5	Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
TC6	Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
TC7	Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.
TC8	Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
TC9	Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.
TC10	Số lần bị xử phạt vì không tuân thủ luật pháp và các vấn đề về môi trường.
TC11	Tổng số tiền bị xử phạt vì không tuân thủ luật pháp và các vấn đề về môi trường.
TC12	Hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Bước 2: Nghiên cứu tiếp cận BCTN của các ngân hàng ở các mục Báo cáo phát triển bền vững hoặc Báo cáo liên quan đến môi trường, xã hội để chấm điểm các tiêu chí theo Danh sách kiểm tra đã lọc ở Bước 1.

Khi sử dụng phương pháp phân tích chỉ số CBTT để thực hiện các nghiên cứu về CBTT dựa trên phân tích BCTN, các học giả thường thực hiện theo 2 cách như sau: (i) đo lường có trọng số và (ii) đo lường không có trọng số, trong 2 cách này, đo lường không có trọng số là tương đối đơn giản, được sử dụng ghi lại sự tồn tại hay không tồn tại của một mục và làm giảm tính chủ quan trong việc xác định trọng số cho từng mục (Ahmed & Curtis, 1999). Ngoài ra, trong nghiên cứu của mình Cooke (1989), Freedman & Jaggi (2005), Prado-Lorenzo & cộng sự (2009) đã công bố rằng việc định lượng trên cơ sở có trọng số hoặc không có trọng số không làm thay đổi đáng kể kết quả, thêm vào đó, Choi & Wang (2010) sử dụng kiểm định ANOVA để xem xét sự khác biệt giữa việc chấm điểm CBTT môi trường và trách nhiệm xã hội theo cách tiếp cận có trọng số và không có trọng số, kết quả sau kiểm định, nghiên cứu nhận thấy không có sự khác biệt về kết quả theo hai cách đo.

Vì mục đích của nghiên cứu là đánh giá có hay không việc triển khai hoạt động ngân hàng xanh thông qua việc CBTT ngân hàng xanh của các ngân hàng thương mại và số lượng thông tin về ngân hàng xanh được công bố, do đó, cách tiếp cận đo lường không có trọng số được xem là phù hợp hơn cho những nghiên cứu mà không có sự phân biệt về tầm quan trọng đối với bất kỳ yếu tố đánh giá cụ thể nào (Khan & cộng sự, 2021). Cụ thể, trong nghiên cứu này, ngân hàng thương mại được ghi nhận 1 điểm nếu có CBTT liên quan đến mỗi tiêu chí trong danh sách kiểm tra và sẽ là 0 điểm nếu tiêu chí đó không được công bố.

Bước 3: Tổng điểm CBTT ngân hàng xanh mỗi năm của mỗi ngân hàng thương mại được tính bằng tổng điểm CBTT của một ngân hàng đạt được. Như vậy, số điểm CBTT ngân hàng xanh tối đa 1 ngân hàng thương mại có thể đạt được cho 1 năm là 12 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm. Điểm CBTT ngân hàng xanh càng cao cho thấy mức độ tham gia của ngân hàng thương mại vào các hoạt động thân thiện với môi trường càng cao.

4. Thực trạng công bố thông tin ngân hàng xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Dựa vào điểm số CBTT ngân hàng xanh của 20 ngân hàng thương mại giai đoạn 2016-2022, nghiên cứu cung cấp thông tin về thực trạng CBTT ngân hàng xanh thông qua các nội dung như sau: (1) điểm số CBTT của các ngân hàng thương mại, (2) số lượng ngân hàng thương mại CBTT ngân hàng xanh, (3) tiêu chí ngân hàng xanh được công bố.

4.1. Điểm công bố thông tin ngân hàng xanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2016-2022

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm số tối đa ngân hàng thương mại đạt được là 10 điểm (theo thang điểm 12) - điểm số này thuộc về ACB năm 2022. Tổng số quan sát có điểm khác 0 là 82 quan sát – chiếm hơn 57% trong tổng số quan sát (140 quan sát) của nghiên cứu.

SHB là ngân hàng có điểm CBTT liên quan đến ngân hàng xanh cao liên tục qua các năm: năm 2016 (4 điểm), năm 2018 (3 điểm), năm 2019 (6 điểm), năm 2020 (6 điểm) và năm 2021 (7 điểm). Điểm số cao nhất của năm 2017 thuộc về MBB (5 điểm) và năm 2022 thuộc về ACB (10 điểm). Điều này có thể xuất phát từ sự nỗ lực vượt bậc của SHB, MBB và ACB, chẳng hạn: (1) Sáng kiến phát triển bền vững “Gắn lại O” của ACB, với O tròn là biểu tượng của Trái đất, ACB đã đổi mới cách nhìn về thúc đẩy trách nhiệm bảo vệ môi trường, không chỉ đơn thuần là kêu gọi, từ năm 2021, ACB đặt giải thưởng O-branch trong danh mục các giải thưởng quan trọng của ACB hằng năm để tất cả các đơn vị Hội sở và kênh phân phối chủ động tham gia các hoạt động vì môi trường một cách tích cực; (2) MBB ban hành khung chiến lược và lộ trình hướng tới phát triển ngân hàng xanh theo cấp độ 3 và từng bước hướng tới cấp độ 5 được đề xuất tại Đề án xây dựng ngân hàng xanh theo công văn 4141/VCL-NHNC; (3) Tại SHB, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất liên quan đến chính sách phát triển bền vững, chính sách về vấn đề môi trường, xã hội được cụ thể hóa trong các văn bản nội bộ do Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ban hành, Ban Điều hành bám sát chỉ đạo và tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường.

Hình 2: Điểm CBTT ngân hàng xanh của ngân hàng thương mại qua các năm trong giai đoạn 2016-2020

YEAR	ABB	ACB	BAB	BID	CTG	EIB	HDB	KLB	LPB	MBB	MSB	NAB	PCB	SHB	STB	TCB	TPB	VCB	VIB	VPB
2016	1	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	4	3	0	0	0	0	0
2017	1	0	2	3	2	2	3	0	0	4	0	0	0	3	4	0	0	0	0	0
2018	1	2	2	1	3	2	2	0	0	3	0	0	2	3	2	0	0	0	0	0
2019	1	3	2	1	4	2	3	0	0	1	0	0	2	6	2	0	0	0	0	0
2020	1	2	2	2	3	3	2	0	0	1	0	0	2	6	5	0	1	0	0	3
2021	3	1	2	4	3	3	6	0	0	9	1	0	2	7	4	1	0	2	3	3
2022	2	10	2	4	7	3	7	0	2	7	7	1	2	7	0	5	0	8	3	5

Nguồn: Tổng hợp của nghiên cứu.

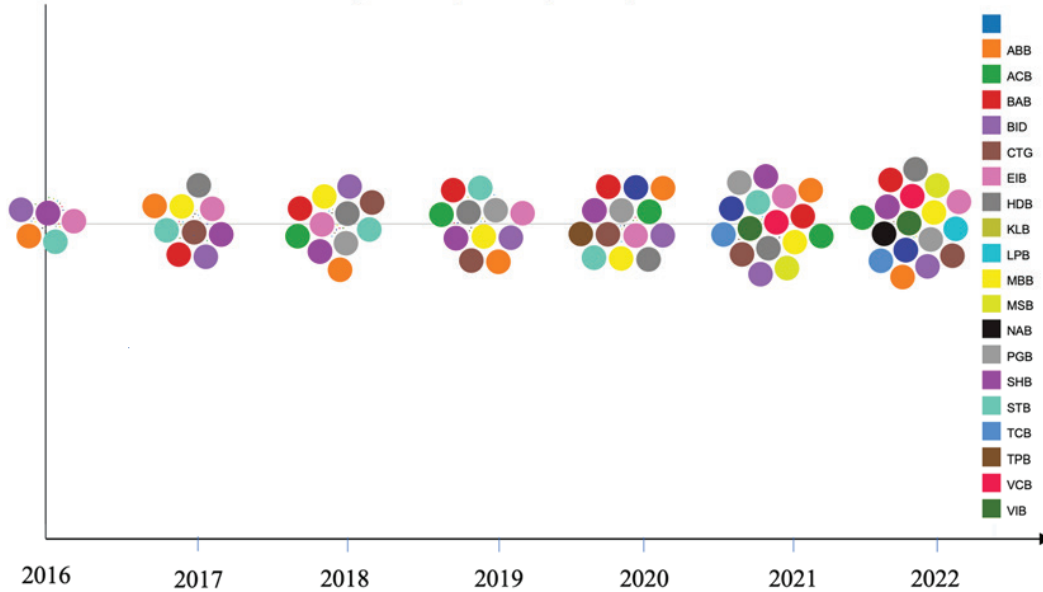
Bên cạnh đó, một số ngân hàng có sự thay đổi đáng chú ý trong giai đoạn 2020-2022 như ACB, VCB và VPB, trong đó, ACB có sự gia tăng đáng kể trong điểm CBTT ngân hàng xanh trong năm 2022 khi Báo cáo phát triển bền vững của ngân hàng đáp ứng 83.3% các tiêu chí do Bộ Tài chính hướng dẫn tại tổng tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính – mức cao nhất của các ngân hàng trong giai đoạn 2016-2022.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng ghi nhận một số ngân hàng chưa có sự quan tâm tích cực trong CBTT ngân hàng xanh như KLB và TPB khi điểm CBTT ngân hàng xanh của 2 ngân hàng này ghi nhận khá nhiều điểm 0 cho giai đoạn 2016-2022 mặc dù cả 2 ngân hàng đều niêm yết khá lâu trên sàn giao dịch chứng khoán (lần lượt là 2017 và 2018). Mức điểm phổ biến nhất của các ngân hàng qua các năm trong giai đoạn 2016-2022 là 2 điểm và 3 điểm – mức điểm chưa thật sự cao, với tần suất xuất hiện của 2 mức điểm này lần lượt là 26 và 19 lần trong tổng số 82 quan sát có điểm lớn hơn 0, điều này phần nào cho thấy mức độ quan tâm của một số ngân hàng trong việc CBTT ngân hàng xanh theo hướng dẫn của bộ tài chính trong giai đoạn 2016-2022 chưa được đầy đủ.

4.2. Số lượng ngân hàng thương mại tham gia công bố thông tin ngân hàng xanh giai đoạn 2016-2022

Hình 3 cho thấy số lượng ngân hàng thương mại thực hiện CBTT ngân hàng xanh có xu hướng gia tăng theo thời gian, đáng chú ý kể từ năm 2020, sau Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngành ngân hàng đã chứng kiến sự gia tăng rõ rệt về số lượng ngân hàng thương mại tiến hành CBTT ngân hàng xanh, đạt mức 16/20 ngân hàng vào năm 2021 và 17/20 ngân hàng vào năm 2022. Có thể thấy lý thuyết về tính hợp pháp đã đóng vai trò khá quan trọng trong việc gia tăng số lượng ngân hàng thương mại báo cáo về ngân hàng xanh, góp phần thực hiện các cam kết của ngành ngân hàng trong thúc đẩy phát triển bền vững và thực hiện những hoạt động có lợi cho môi trường cũng như các bên liên quan trong xã hội.

Hình 3: Số lượng ngân hàng thương mại thực hiện CBTT ngân hàng xanh giai đoạn 2016-2022



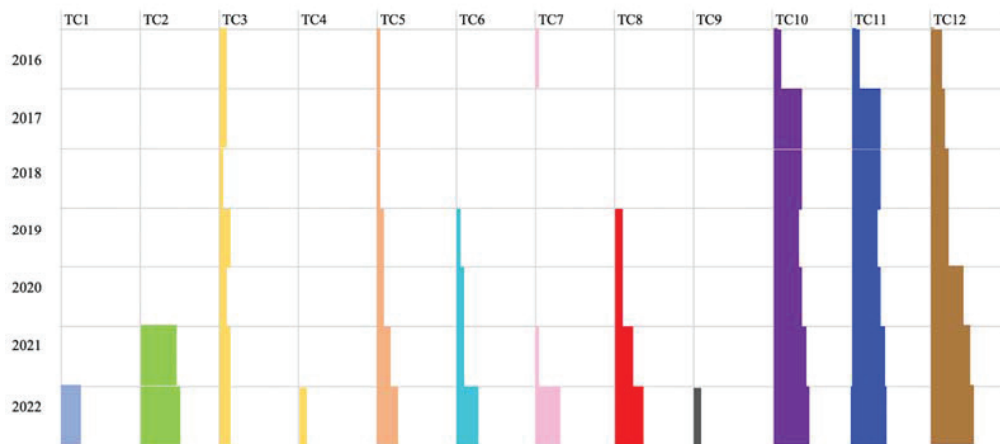
Nguồn: Tổng hợp của nghiên cứu.

Tuy nhiên, số lượng ngân hàng thương mại tham gia CBTT ngân hàng xanh tính đến năm 2022 vẫn chưa đạt được mức tuyệt đối, do đó, cơ quan quản lý cần gia tăng hơn nữa ảnh hưởng của lý thuyết về tính hợp pháp để cải thiện tình hình.

4.3. Tiêu chí ngân hàng xanh được ngân hàng thương mại công bố giai đoạn 2016-2022

Hình 4 cho thấy các tiêu chí được ngân hàng thương mại quan tâm và công bố nhiều nhất trong giai đoạn 2016-2022 lần lượt là *TC10* và *TC11* - với số lượng ngân hàng thương mại CBTT nhiều nhất ở 2 tiêu chí này là 10/20 ngân hàng thương mại vào năm 2022; *TC12* - với 12/20 ngân hàng thương mại báo cáo vào năm 2022, đây là những tiêu chí liên quan đến số lần, số tiền bị xử phạt vì không tuân thủ luật pháp về môi trường và hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Có thể thấy, những tiêu chí này khá thuận tiện và không quá khó khăn cho các ngân hàng thương mại trong việc tổng hợp thông tin và công bố nhằm đáp ứng và tuân thủ yêu cầu của các bên liên quan.

Hình 4: Số lượng ngân hàng thương mại CBTT ở mỗi tiêu chí qua các năm trong giai đoạn 2016-2022



Nguồn: Tổng hợp của nghiên cứu.

Cũng theo Hình 4, các tiêu chí được các ngân hàng thương mại ít công bố nhất là *TC1*, *TC4*, *TC9*, cả 3 tiêu chí này chỉ nhận được sự quan tâm công bố của các ngân hàng thương mại vào năm 2022, trong đó, số lượng ngân hàng thương mại công bố ở *TC1* là 5/20 ngân hàng thương mại; số lượng ngân hàng thương mại công bố ở *TC4* và *TC9* là 2/20 ngân hàng thương mại. Đây là những tiêu chí liên quan đến lượng phát thải nhà kính trực tiếp và gián tiếp; tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức; tỉ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Có thể thấy cả 3 tiêu chí này là những tiêu chí đòi hỏi hành động cụ thể và theo dõi số liệu chi tiết hàng năm để thấy được tỷ lệ thay đổi, do đó, có thể gây khó khăn cho ngân hàng thương mại. Thêm vào đó, *TC1* và *TC2* mới được Bộ Tài chính bổ sung thêm vào Thông tư 96/2020/TT-BTC, có giá trị hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 và không bắt buộc đối với lĩnh vực tài chính ngân hàng nên việc không ghi nhận được báo cáo ở 2 tiêu chí này trong giai đoạn 2016-2020 cũng phần nào có thể lý giải được, tuy nhiên, so với *TC2*, *TC1* vẫn có phần đòi hỏi sự đầu tư cho số liệu hơn *TC2* nên số lượng ngân hàng thương mại báo cáo ở *TC2* này nhiều hơn *TC1*.

Với xu hướng gia tăng điểm số CBTT ngân hàng xanh qua thời gian và gia tăng số lượng ngân hàng thương mại công bố ở các tiêu chí đã cho thấy xu hướng tích cực của ngân hàng thương mại trong việc hướng tới bảo vệ môi trường và tuân thủ hướng dẫn của Bộ Tài chính nhằm đạt được tính hợp pháp và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Tuy nhiên, điểm số tuyệt đối CBTT ngân hàng xanh của các ngân hàng thương mại vẫn chưa thật sự cao và đồng đều, điều này hàm ý rằng các ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn đang ở mức độ đáp ứng với quy định mà chưa có sự bứt phá và đầu tư trong việc thực hành ngân hàng xanh, do đó, ngành ngân hàng nói chung và các ngân hàng thương mại cần có thêm những giải pháp phù hợp và khả thi để khắc phục nhược điểm và phát huy mặt tích cực trong việc CBTT ngân hàng xanh.

5. Một số khuyến nghị đối với cơ quan quản lý ngành ngân hàng và các ngân hàng thương mại Việt Nam

Nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị đối với cơ quan quản lý ngành ngân hàng và hệ thống ngân hàng thương mại nhằm góp phần nâng cao hoạt động CBTT ngân hàng xanh của các ngân hàng thương mại như sau:

5.1. Về điểm số công bố thông tin ngân hàng xanh của ngân hàng thương mại

Có thể thấy những ngân hàng thương mại có điểm số CBTT ngân hàng xanh cao đều là những ngân hàng có chính sách ấn tượng, chiến lược cụ thể và đặt các vấn đề môi trường ở vị trí quan trọng trong quản lý ngân hàng. Do đó, để cải thiện điểm số CBTT ngân hàng xanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam, cơ quan quản lý và ngân hàng thương mại cần có những hành động cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường tuyên truyền về lợi ích mà hoạt động ngân hàng xanh mang lại cho hệ thống ngân hàng thương mại, thực hành ngân hàng xanh không chỉ dừng ở việc thực hiện trách nhiệm của một ngân hàng với môi trường, xã hội - nơi ngân hàng đó hoạt động, mà nó còn giúp ngân hàng giảm các rủi ro, tăng cường hình ảnh, tăng cường khả năng cạnh tranh của ngân hàng.

Thứ hai, cơ quan quản lý ngành ngân hàng cần đóng vai trò là đầu mối trong việc thúc đẩy sự tương tác chia sẻ kinh nghiệm của những ngân hàng đã thực hiện tốt việc CBTT ngân hàng xanh nhằm hướng dẫn và hỗ trợ các ngân hàng chưa báo cáo hoặc báo cáo ở mức thấp.

5.2. Về số lượng ngân hàng thương mại tham gia công bố thông tin ngân hàng xanh

Để số lượng ngân hàng thương mại thực hiện CBTT ngân hàng xanh hằng năm đạt mức tối đa, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, cơ quan quản lý cần phát triển thêm chức năng/bộ phận ghi nhận điểm CBTT ngân hàng xanh của ngân hàng thương mại hằng năm và có cơ chế khen thưởng, ghi nhận thành tích đối với những ngân hàng có điểm số cao để tạo động lực cho các ngân hàng thương mại trong việc tăng cường CBTT ngân hàng xanh.

Thứ hai, ngân hàng thương mại cần chủ động nâng cao ý thức và trách nhiệm của mình trong việc CBTT ngân hàng xanh cũng như trong việc chủ động học hỏi những ngân hàng thương mại có điểm số CBTT ngân hàng xanh cao để áp dụng những chiếc lược tốt vào ngân hàng của mình.

5.3. Về các tiêu chí công bố thông tin ngân hàng xanh

Xuất phát từ thực tế có ba tiêu chí nhận được ít công bố nhất của các ngân hàng thương mại là: *TC1*, *TC4*, *TC9*, điều này hàm ý rằng có sự khó khăn của các ngân hàng thương mại trong việc thực hành ngân hàng xanh và báo cáo. Do đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, cơ quan quản lý cần có văn bản khảo sát ý kiến của các ngân hàng thương mại về những khó khăn hiện có trong quá trình thực thi hoạt động CBTT ngân hàng xanh, đặc biệt đối với 3 tiêu chí *TC1*, *TC4* và *TC9*, để từ đó, có những điều chỉnh và giải pháp thiết thực, kịp thời nhằm hỗ trợ các ngân hàng thực hiện tốt hơn và đầy đủ hơn việc CBTT ngân hàng xanh.

Thứ hai, các ngân hàng thương mại cũng cần chủ động hợp tác với các đối tác và nhà cung cấp để thu thập thông tin về phát thải nhà kính, lượng điện tiêu thụ, lượng nước tiêu thụ,... hoặc đầu tư hệ thống hiện đại (nếu cần) nhằm theo dõi thông tin về *TC1*, *TC4* và *TC9*, việc theo dõi này không chỉ giúp ngân hàng tiết kiệm chi phí hoạt động trong dài hạn, mà còn góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện hữu, bảo vệ môi trường.

Nghiên cứu mong rằng kết quả của bài viết sẽ đóng góp cơ sở cho việc hoạch định và phát triển hơn nữa hoạt động ngân hàng xanh ở Việt Nam, nhằm đạt được những lợi ích mà ngân hàng xanh mang lại, cũng như thực hiện cam kết của Việt Nam với quốc tế.

6. Hạn chế của bài viết và các hướng nghiên cứu trong tương lai

Bài viết chỉ dừng lại ở việc sử dụng cách tiếp cận đo lường không trọng số đối với các tiêu chí CBTT ngân hàng xanh và chỉ đánh giá dựa vào BCTN của các ngân hàng thương mại, do đó, trong tương lai, các nghiên cứu mới cần khai thác thêm các nội dung như: (1) tầm quan trọng của các tiêu chí từ *TC1* đến *TC12* đối với môi trường và phát triển bền vững tại Việt Nam, bằng cách bổ sung trọng số cho các tiêu chí nhằm hoàn thiện hơn phần phân tích thực trạng CBTT ngân hàng xanh, đưa ra cái nhìn sâu sắc hơn về trách nhiệm môi trường của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam; (2) mở rộng đối tượng nghiên cứu với các loại thông tin được công bố trên website của ngân hàng hoặc các bài báo, bài phát biểu được đưa tin bởi các cơ quan truyền thông chính thức.

Phụ lục: Danh sách 20 ngân hàng được nghiên cứu

STT	Mã chứng khoán	Tên ngân hàng
1	ABB	Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình
2	ACB	Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu
3	BAB	Ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á
4	BID	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam
5	CTG	Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam
6	EIB	Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam
7	HDB	Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh
8	KLB	Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long
9	LPB	Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt
10	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
11	MSB	Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải
12	NAB	Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á
13	PGB	Ngân hàng thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex
14	SHB	Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội
15	STB	Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín
16	TCB	Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam
17	TPB	Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong
18	VCB	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam
19	VIB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế
20	VPB	Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Nguồn: Đề xuất của nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo:

- Agrawal, S. (2014), 'Green banking in India: An empirical study of commercial banks', *Voice of Research*, 2(4), 58-60.
- Ahmed, K. & Curtis, J.K. (1999), 'Associations between corporate characteristics and disclosure levels in annual reports: A meta analysis', *British Accounting Review*, 31(1), 35-61.

-
- Ahuja, N. (2015), 'Green banking in India: A review of literature', *International Journal for Research in Management and Pharmacy*, 4(1), 12-13.
- Bahl, S. (2012), 'Green banking – The new strategic imperative', *Asian Journal of Research in Business Economics and Management*, 2(2), 176-185.
- Beattie, V., McInness, B. & Fearnley, S. (2004), 'A methodology for analyzing and evaluating narratives in annual reports: A comprehensive descriptive profile and metrics for disclosure quality attributes', *Accounting Forum*, 8, 205-236.
- Bose, S., Khan, H.Z., Rashid, A. & Islam, S. (2018), 'What drives green banking disclosure? An institutional and corporate governance perspective', *Asia Pacific Journal of Management*, 35(2), 501-527.
- Botosan, C.A. (1997), 'Disclosure level and the cost of capital', *The Accounting Review*, 72(3), 323-349.
- Chaurasia, A.K. (2014), 'Green banking practices in Indian banks', *International Journal of Management and Commerce Innovations*, 2(1), 232-235.
- Choi, J. & Wang, H. (2010), 'The effect of firm compensation structures on the mobility and entrepreneurship of extreme performers', *Business*, 920, 1-43.
- Clarkson, P., Eljido-Ten, E. & Kloot, L. (2010), 'Extending the application of stakeholder influence strategies to environmental disclosures. Accounting', *Auditing & Accountability Journal*, 23(8), 1032-1059. <https://doi.org/10.1108/09513571011092547>.
- Cooke, T.E. (1989), 'Disclosure in the corporate annual reports of Swedish companies', *Accounting and Business Research*, 19(74), 113-124.
- Deegan, C.M. & Unerman, J. (2006), *Financial accounting theory*, McGraw Hill Education.
- Ferguson, M.J., Lam, K.C.K. & Lee, G.M. (2002), 'Voluntary disclosure by state-owned enterprises listed on the Stock Exchange of Hong Kon', *Journal of International Financial Management and Accounting*, 13(2), 125-152.
- Freedman, M. & Jaggi, B. (2005), 'Global warming, commitment to the Kyoto protocol, and accounting disclosures by the largest global public firms from polluting industries', *The International Journal of Accounting*, 40(3), 215-232.
- Ginovsky, J. (2009), *Green banking - Inside and out*, Community Banker, 30-32.
- Guthrie, J., Petty, R., Yongvanich, K. & Ricceri, F. (2004), 'Using content analysis as a research method to inquire into intellectual capital reporting', *Journal of Intellectual Capital*, 5(2), 282-293.
- Hossain, M., Ahmad, N., Tarique, M. & Momen, A. (2016), 'Disclosure of green banking issues in the annual reports: A study on Bangladeshi banks', *Middle East Journal of Business*, 11(1), 19-28.
- IMF (2000), *Code of Good Practices on Transparency in Monetary and Financial Policies: Declaration of Principles*, from <<https://www.imf.org/External/Np/Mae/Mft/Code/Index.Htm>>.
- Islam, M. & Das, P. (2013), 'Green banking practices in Bangladesh', *Journal of Business and Management*, 8(3), 39-44.
- Khan, H.Z., Bose, S., Sheehy, B. & Quazi, A. (2021), 'Green banking disclosure, firm value and the moderating role of a contextual factor: Evidence from a distinctive regulatory setting', *Business Strategy and the Environment*, 30(8), 3651-3670. <https://doi.org/10.1002/bse.2832>.
- Lalon, R. (2015), 'Green banking: Going green', *International Journal of Economics, Finance and Management Sciences*, 3(1), 34-35.
- McKenzie, G. & Wolfe, S. (2004), 'The impact of environmental risk on the UK banking sector', *Applied Financial Economics*, 14(14), 1005-1016. <https://doi.org/10.1080/0960310042000261880>.
- Mehedi, S., Kuddus, M. & Maniruzzaman, M. (2017), 'The Identification of bankers' perception toward indicators for the adoption of green banking in Bangladeshi scheduled commercial banks', *Journal of Internet Banking and Commerce*, 22(2), 1-18.
- Naji, A.F. & Dnya, H.F. (2022), 'The role of green bank marketing in sustainable development : Survey study in Sulaymaniyah city', *ASJP*, VIII(2), 931-949.
- Prado-Lorenzo, J.M., Rodri'guez-Domi'nguez, L., Gallego-A'Ivarez, I. & Garcí'a-Sa'nchez, I.M. (2009), 'Factors influencing the disclosure of greenhouse gas emissions in companies world-wide', *Management Decision*, 47(7), 1133-1157.
- Ragupathi, M. & Sujatha, S. (2016), 'Green banking initiatives of commercial banks in India', *International Research Journal of Business and Management*, VIII(2), 74-81.
- Suborna, B. (2020), *Principles of green banking*, Deutsche Nationalbibliothek.